TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 428/2024/DS-PT
Ngày: 10 -10 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào.

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Oanh K, sinh năm: 1978

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Văn G, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Số H, Đinh Tiên H, khóm D, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (*Theo giấy ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2023).*

- *Bị đơn:*

1. Bà Mai Thúy H1, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

2. Bà Phan Tuyết L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

3. Ông Mai Văn Ú, sinh năm 1959 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thúy H1, bà Phan Tuyết L: Ông Lê Trí T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau *(Theo giấy ủy quyền ngày 03 tháng 6 năm 2024 và ngày 10 tháng 7 năm 2024).*

- *Người kháng cáo*: Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Oanh K trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 10/9/2020 bà Mai Thúy H1 có mượn của bà số tiền 900.000.000 đồng, khi mượn tiền bà H1 có ký vào giấy mượn tiền, cha mẹ của bà H1 là ông Ú và bà L có ký tên bảo lãnh cho bà H1. Bà H1 không trả nợ cho bà nên nay bà yêu cầu cả bà H1, ông Ú, bà L cùng có trách nhiệm cùng trả nợ cho bà số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Bà K cho rằng giữa bà và bà H1 có làm ăn với nhau là không có, việc bà H1 cầm thẻ ATM là mối quan hệ làm ăn của bà H1, bà H1 có đưa thẻ ATM của các công nhân bà H1 cầm nhờ bà đi rút tiền tiếp bà H1 thì bà đi chứ bà không có cầm thẻ của các công nhân như bà H1 trình bày. Việc bà viết số và tên H1 trên thẻ ATM là để nhớ mật khẩu sử dụng thẻ và biết là thẻ của bà H1 cầm của công nhân. Khi bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bà H1 cho rằng bà H1 có đến Tòa án là không đúng. Khi bà khởi kiện ở Tòa án huyện Đ vì không liên lạc được với bà H1 và được Tòa án giải thích thì bà rút đơn để về Tòa án nơi bà H1 thường trú khởi kiện. Khi bà H1, ông Ú, bà L ký tên vào giấy mượn tiền là sự tự nguyện, bà không có sự ép buộc, hăm dọa như lời bên bị đơn trình bày, vì khi ký tên ông Ú, bà L xác nhận nếu H1 không trả tiền thì ông Ú, bà L chịu trách nhiệm trả nên bà mới yêu cầu cả bà H1, ông Ú, bà L trả tiền cho bà.

*Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn G trình bày***:** Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 10/9/2020 bà Mai Thúy H1 có mượn của bà K số tiền 900.000.000 đồng, khi mượn tiền bà H1 có ký vào giấy mượn tiền, việc bà H1 ký tên là tự nguyện không ai ép buộc và cha mẹ của bà H1 là ông Ú và bà L cũng đã ký tên bảo lãnh khoản vay cho bà H1. Do bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà K nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 335, 339 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Ú, bà L có trách nhiệm liên đới với bà H1 trả cho bà K số tiền đã vay là 900.000.000 đồng.

** Bị đơn Bà Mai Thúy H1 trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị Oanh K có bàn bạc làm ăn, bà Nguyễn Thị Oanh K đưa tiền cho bà. Bà là người cầm thẻ ATM của công nhân, sau khi cầm thẻ thì bà K là người trực tiếp giữ thẻ và bà K là người hàng tháng rút tiền của các thẻ cầm. Sau đó bà K lấy tiền lãi và trả tiền lãi mà bà được hưởng 20% số tiền lãi. Đến tháng 10 năm 2020 do dịch bệnh các công nhân thất nghiệp nghỉ việc nên các công nhân bỏ thẻ. Bà K không rút tiền được nên bắt bà phải ký giấy mượn tiền với số tiền vốn và lãi là 900.000.000 đồng. Khi bà K bắt bà ký vào giấy mượn tiền và bắt cha mẹ bà ký vào giấy mượn tiền có nhiều người đến khống chế hăm dọa bà và cha mẹ bà, bắt buộc phải ký vào giấy mượn tiền. Bà Nguyễn Thị Oanh K có gửi đơn kiện bà tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã mời bà, bà và cha bà là ông Mai Văn Ú có đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa nhưng bà K không đến

Tòa án huyện Đ để giải quyết. Giữa bà và bà Nguyễn Thị Oanh K cùng nhau hợp tác làm ăn, nhưng do dịch bệnh nên xảy ra thua lỗ thì phải cùng chịu trách nhiệm. Bà chỉ nhận được số tiền lãi 20% được hưởng thì bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Oanh K số tiền mà bà đã được hưởng số tiền là 180.000.000 đồng, bà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Số tiền nợ là của bà và bà đã đồng trả cho bà K thì không liên quan đến cha mẹ bà vì cha mẹ bà chỉ ký bảo lãnh cho bà.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H1 ông Lê Trí T trình bày: Bà H1 không có mượn tiền của bà K mà là do giữa bà K và bà H1 có mối quan hệ làm ăn chung, khi bà H1 ký tên vào giấy mượn tiền thì bà H1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng khi đó bà H1 bị bà K đe dọa ép buộc nên mới ký vào giấy mượn tiền. Do bà H1 có đủ năng lực hành vi dân sự nên bà H1 đã ký tên vào giấy mượn tiền 900.000 đồng thì bà H1 có trách nhiệm trả cho bà K không liên quan đến ông Ú và bà L nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ú, bà L liên đới trả tiền là không phù hợp. Ông T xác định việc bà H1 và bà K làm ăn cho công nhân vay tiền và cầm thẻ ATM là các bên tự thỏa thuận miệng với nhau không có làm văn bản về việc cho vay tiền và cầm thẻ ATM; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc bà H1, ông Ú, bà L bị đe dọa ký tên vào giấy mượn tiền.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2024 bị đơn ông Mai Văn Ú trình bày:*

Ông không có mượn tiền gì của bà K, việc ông có ký tên vào giấy mượn tiền là vì chồng bà K rước ông lên nhà bà K, bà K nói với ông là bà K và con ông Mai Thúy H1 có làm ăn gì đó ông không biết nhưng bà K nói con ông nợ 900.000.000 đồng, ông phải ký bảo lãnh cho con ông thì mới làm tiếp được, khi đó ông không đồng ý ký tên đi ra ngoài thì có hai người lạ mặt nói với ông là "người ta giúp đở con ông mà ông không ký" nên mới có sự việc ông ký tên vào giấy mượn tiền, bà K không có đưa tiền gì cho ông, nay con ông đồng ý trả tiền cho bà K nên bà K yêu cầu vợ chồng ông trả tiền ông không đồng ý. Bà K cho rằng Thúy H1 không đến Tòa án huyện Đ là không đúng, ông và Thúy H1 đã đến Tòa án hai lần đều không gặp bà K.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 19/4/2024 bị đơn bà Phan Tuyết L trình bày:*

Bà không có mượn tiền gì của bà K, việc bà có ký tên vào giấy mượn tiền là vì chồng bà K rước bà lên nhà bà K, bà K nói với bà là bà K và con bà Mai Thúy H1 có làm ăn gì đó bà không biết nhưng bà K nói con bà nợ 900.000.000 đồng, bà phải ký bảo lãnh cho con bà thì mới làm tiếp được nên bà mới ký tên vào giấy mượn tiền, bà K không có đưa tiền gì cho bà, nay con bà đồng ý trả tiền cho bà K nên bà K yêu cầu vợ chồng bà trả tiền bà không đồng ý. Bà K cho rằng bà hứa trả tiền cho bà K là không đúng. Sau khi sự việc xảy ra khoảng vào tháng 12 năm 2020 bà K đem các thẻ ATM lại đưa cho tôi chứ bà không biết gì sự việc giữa bà K và Thúy H1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Oanh K về việc yêu cầu bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L trả tiền vay.

Buộc bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Oanh K tổng số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người bị thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L phải chịu 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Oanh K không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Oanh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006250 ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2024, ông Ú bà L kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T đại diện cho bà L và ông Mai văn Ú1 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L còn trong hạn luật định.

[2] Nội dung kháng cáo của ông, bà cho là phiên tòa sơ thẩm không có Viện kiểm sát nhân dân huyện U tham gia tố tụng là vi phạm. Xét thấy tại điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, khi vụ án có thu thập chứng cứ của Tòa án, đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất … thì Viện kiểm sát mới tham gia phiên tòa, phiên họp.

Ông Ú, bà L cho là việc Tòa án không thu thập điều tra 61 thẻ ATM. Xét thấy việc cung cấp thẻ ATM theo tài liệu cung cấp chứng cứ là do bà H1 cung cấp cho Tòa án, để chứng minh việc bà H1 làm ăn chung với bà K nhưng không thể hiện chứng cứ gì chứng minh việc bà K và bà H1 làm ăn chung. Nếu có xác minh thì cũng

không thay đổi sự việc nên không cần thiết phải xác minh.

Tại tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của bà H1 xác định việc làm ăn chung giữa bà H1 và bà K không có làm văn bản thỏa thuận về việc cho công nhân vay tiền và cầm thẻ ATM và bà H1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh giữa bà K và bà H1 có hợp tác làm ăn chung với nhau, trong khi các thẻ ATM bà H1 cung cấp không đủ cơ sở xác định bà K là người cầm thẻ ATM và trả lại cho bà H1 vì bà H1 không đưa ra được tài liệu để chứng minh. Ngoài ra, bà H1 cho rằng việc ký tên vào giấy mượn tiền là do bị bà K đe dọa ép buộc nhưng cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Ngoài ra ông Ú, bà L kháng cáo cho là cấp sơ thẩm áp dụng điều luật chưa phù hợp. Xét thấy trong vụ án có hai quan hệ cần xem xét đó là hợp đồng vay và việc bảo lãnh nợ. Xét thấy bà H1 thừa nhận ký biên nhận vay tiền và bà H1 đồng ý trả nợ không có kháng cáo. Đối với việc bảo lãnh cũng có nhiều hình thức trong đó bảo lãnh bằng tài sản hay bảo lãnh bằng uy tín, tín chấp và việc bảo lãnh có thể xảy ra trước, trong, sau khi ký kết hợp đồng. Thấy rằng bà H1 vay tiền của bà K là có thể hiện tại giấy mượn tiền ghi trên giấy tập học sinh có nội dung *"...Tôi tên: Mai Thúy hằng SN: 1984 quê quán: Đ-Bạc Liêu Làm việc tại C Tôi có mượn của vợ chồng chị K là : 900.000.000 VNĐ "chín trăm triệu đồng" SCMND: 38150430. Công an B cấp ngày 26/2/2019 Ngày 10/9/2020..."*.

Bà H1 cũng xác định chữ ký tại giấy mượn tiền là của bà H1, việc bà K yêu cầu ông Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L có trách nhiệm liên đới cùng bà H1 trả tiền thấy rằng, cũng tại giấy mượn tiền trên có nội dung *"...tôi Mai Văn Ú SGCM 380742996 cấp tại C1 tôi xin xác nhận con của tôi Mai Thúy H1 thiếu Ng~ Thị Oanh K1 tổng số tiền 900.000.000 triệu đồng chín trăm triệu đúng là sự thật Nếu sau này con tôi không trả tôi chịu trách nhiệm trả nợ Hai vợ chồng tôi đồng ý ngày 10/9/2020..."*. Bà H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà H1 cho rằng bà H1 ký tên vào giấy mượn tiền thì bà H1 có trách nhiệm trả không liên quan đến ông Ú, bà L.

Xét thấy, tại Điều 335 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định ***"****Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"* Như vậy trên cơ sở nội dung tại giấy mượn tiền thì ông Ú và bà L đã bão lãnh nghĩa vụ cho bà H1 đối với số tiền vay nêu trên. Đồng thời, tại Điều 339 của Bộ luật dân sự quy định "T*rường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ"*. Căn cứ vào điều luật đã viện dẫn và bà K1 khởi kiện cả ba người, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà K1 đối với ông Ú và bà L về việc yêu cầu ông Ú và bà L liên đới cùng bà H1 trả số tiền 900.000.000. Ông Ú cho là nếu bà H1 không thanh toán thì ông, bà mới chịu trách

nhiệm. Thực tế hiện nay bà H1 không thanh toán nên án sơ thẩm buộc ông Ú, bà L, bà H1 liên đới là phù hợp.

Đối với 61 thẻ ATM theo ông Mai Văn Ú không có giá trị không còn tiền trong tài khoản được đánh dấu bút lục theo hồ sơ nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ.

Tại phiên tòa người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc kháng cáo.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị này là phù hợp với các phân tích trên.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L phải chịu 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm do ông Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nên ông Ú, bà L không phải nộp. Bà H1 phải nộp số tiền 13.000.000 đồng. Do đó cấp phúc thẩm chỉ điều chỉnh phần án phí không cần phải sửa án.

Bà Nguyễn Thị Oanh K không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Oanh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006250 ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ú, bà L thuộc trường hợp được miễn nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Toà án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Oanh K về việc yêu cầu bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L trả tiền vay.

Buộc bà Mai Thúy H1, ông Mai Văn Ú, bà Phan Tuyết L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Oanh K tổng số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người bị thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Mai Thúy H1 phải chịu 13.000.000 đồng. Ông Mai Văn Ú và bà Phan Tuyết L được miễn án phí nên không phải nộp.

Bà Nguyễn Thị Oanh K không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Oanh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006250 ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L và ông Ú thuộc trường hợp được miễn, không phải nộp. Ngày 08/8/2024, ông Ú và bà L dự nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo lai số 0006652 và lai số 0006653 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện U Minh;*
- *Chi cục THADS huyện U Minh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang